

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT RẠNG ĐÔNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT RẠNG ĐÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: Aurora Engineering Services and Trading Company Limited

2. Mã số doanh nghiệp: 3502516731

3. Ngày thành lập: 08/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

179. Đường Đô Lương , Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0941.291.182

Fax:

Email: director.aurora2@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
6.	Bán buôn thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã trong danh mục cấm)	4632
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết : bán buôn vật tư, thiết bị máy móc ngành dầu khí, bán buôn thiết bị nâng tải chuyên dụng và cấp dầu.	4659
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng).	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
15.	Khai thác gỗ (không hoạt động tại trụ sở chính)	0220
16.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (không hoạt động tại trụ sở chính)	0231

17.	Đào tạo sơ cấp	8531
18.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Huân luyện về an toàn lao động	8559
19.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
20.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết : Dịch vụ cầm đồ	6492
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
22.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ đấu giá)	6820
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
24.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
25.	Quảng cáo	7310
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế kiến trúc, khảo sát, giám sát xây dựng công trình).	7410
27.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710
29.	Bán buôn tổng hợp	4690
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	In ấn	1811
34.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
35.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở chính)	2511
36.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết : gia công cơ khí (trừ xi mạ, trừ sơn tĩnh điện) (không hoạt động tại trụ sở chính)	2592
37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
38.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo phương thức hợp đồng.	4932
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.	4933
40.	Bốc xếp hàng hóa	5224
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

43.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
44.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động	7820
45.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
46.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
47.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
48.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
49.	Đóng tàu và cấu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở chính)	3011
50.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí (không hoạt động tại trụ sở chính)	3012
51.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở chính)	3100
52.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở chính)	3290
53.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (trừ xi mạ, gia công cơ khí) (không hoạt động tại trụ sở chính)	3311
54.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ xi mạ, gia công cơ khí) (không hoạt động tại trụ sở chính)	3312
55.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở chính)	3313
56.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ xi mạ, gia công cơ khí) (không hoạt động tại trụ sở chính)	3314
57.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
58.	Sửa chữa thiết bị khác (trừ xi mạ, gia công cơ khí) (không hoạt động tại trụ sở chính)	3319
59.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
60.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở chính)	3600
61.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
62.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
63.	Thu gom rác thải độc hại	3812
64.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
65.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
66.	Tái chế phế liệu	3830
67.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
68.	Xây dựng nhà để ở	4101
69.	Xây dựng nhà không để ở	4102

70.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
71.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
72.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết : xây dựng công trình công nghiệp, dầu khí.	4299(Chính)
73.	Phá dỡ	4311
74.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
76.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
77.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
78.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. **Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ HOÀNG THIỆN	Việt Nam	55/11 Bến Nôm, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	2.250.000.000	25,000	048082007821	
2	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	Việt Nam	72/2 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	6.750.000.000	75,000	077193007488	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: LÊ HOÀNG THIỆN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 29/11/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 048082007821

Ngày cấp: 27/12/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.*

Địa chỉ thường trú: *55/11 Bến Nôm, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *55/11 Bến Nôm, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu